

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ M'GAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 48/2023/DS- ST

Ngày 17 - 08 - 2023

V/v: *Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản* ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:***

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Ngọc Thắng
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Mạnh và ông Hoàng Duy Thanh
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Thái Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2023/TLST - DS, ngày 18 tháng 01 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 07 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2023/QĐST-DS giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị L (vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà C, đường XVNT, TT QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc B

Địa chỉ: hẻm A đường HV, P. TL, TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị D (ông N có mặt, bà D vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà X, đường XVNTT, TT QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà Hồ Thị L trình bày:

Vào ngày 06/02/2020, tôi cho vợ chồng ông N vay số tiền 150.000.000đ. khi vay tiền vợ chồng ông N có ký nhận trong giấy mượn tiền và hẹn sau 10 ngày sẽ trả. Chữ ký chữ viết đứng tên Hồ Văn N trong giấy mượn tiền nêu trên là do ông N ký, viết ra và chữ ký đứng tên Nguyễn Thị D trong giấy mượn tiền nêu trên là do

bà D ký ra. ngoài ra, các bên có thỏa thuận miệng về tiền lãi phát sinh, cụ thể vợ chồng ông N có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền lãi phát sinh với mức 2%/tháng, kể từ khi nhận tiền vay cho đến khi trả hết nợ.

Đến hạn trả nợ, mặc dù nhiều lần yêu cầu nhưng đến nay vợ chồng ông N chưa trả tiền gốc và lãi phát sinh như cam kết. Việc vợ chồng ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tôi. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông N có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền số tiền 234.000.000đ (trong đó gốc 150.000.000đ, lãi 84.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật 1,6%/tháng kể từ ngày 07/01/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

**\*Phần trình bày của bị đơn ông Hồ Văn N:**

Ông Nguyễn Văn C nhờ tôi cầm cả vệt xe tải đi vay giùm cho ông C số tiền 150.000.000đ. tôi đem vào nhà cô L vay số tiền 150.000.000đ sau đó ông C đã chết thì tôi đứng ra lo số tiền trả nợ. Sau đó cô L thấy cả vệt xe không yên tâm thì cô L nói với tôi đem sổ đỏ nhà tôi cho cô L làm niềm tin thì tôi cũng đem qua. Sau đó, tôi đã trả được 100.000.000đ và tôi đem sổ đỏ về, tôi nghĩ số tiền còn lại tôi sẽ trả từ từ, rồi tôi lấy cả vệt xe về tôi chưa có khả năng trả thì cô L đã làm đơn khởi kiện tôi rồi. Tôi không nghĩ cô ta làm đơn kiện với số tiền lớn như vậy. Tôi mong tòa án xem xét cho tôi.

**\*Phần trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị D:**

Tôi không biết việc vay mượn của ông N (chồng tôi) với bà L, khi vay thì chồng tôi có cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng của gia đình. Tôi và chồng tôi đến trả 50.000.000đ để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình về thì bảo tôi ký nhưng tôi không biết chữ để ký nên tôi có viết chữ D, ngày hôm sau thì chồng tôi có trả tiếp 50.000.000đ.

***Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar phát biểu ý kiến:***

- *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:* Thẩm phán về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm thời hạn xét xử

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Đối với đương sự:*

Nguyên đơn: Thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Ông Hồ Văn N đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị D không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Căn cứ các Điều 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị L số tiền gốc 150.000.000đ và lãi suất theo khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:** Nguyên đơn bà Hồ Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Mgar.

**[2] Về tố tụng:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

**[3] Về nội dung:**

[3.1] Về số nợ: Ngày 06/02/2020 ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị D có ký giấy vay mượn tiền với bà Hồ Thị L vay với số tiền 150.000.000đ.

Ông Hồ Văn N cho rằng số tiền vay 150.000.000đ là vay giùm cho ông Nguyễn Văn C sau đó ông C chết thì ông đứng ra lo số tiền nợ cho ông C thì bà L yêu cầu ông đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông đưa cho bà L và ông đã trả được cho bà L số tiền 100.000.000đ. Bà D cho rằng bà và ông N đến nhà bà L trả 50.000.000đ để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình. Tuy nhiên, ông N, bà D không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc trả tiền cho L để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình. Ngoài ra, trong giấy vay mượn tiền không có ghi bà L cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông N và bà D. Như vậy, việc ông N, bà D ký vào giấy vay mượn tiền với số tiền 150.000.000đ với bà L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Ông N, bà D không thực hiện trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay, được quy định tại Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015.

[3.2] về số tiền lãi:

Khi ký giấy vay mượn tiền giữa bà L và ông N, bà D thì các bên không ghi lãi suất cụ thể. Nguyên đơn cho rằng có thỏa thuận lãi suất 2%/năm và yêu cầu ông N, bà D trả số tiền lãi 84.000.000đ, bị đơn ông N thừa nhận có thỏa thuận về lãi suất nhưng không nhớ là lãi suất bao nhiêu. Do các đương sự không thống nhất về lãi suất và không đưa ra được chứng cứ về lãi suất khi vay nên Hội đồng xét xử căn

cứ vào khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lãi suất 10%/năm. Cụ thể:

Ngày vay mượn tiền (06/02/2020) đến ngày xét xử (17/08/2023). Cụ thể như sau:

$150.000.000 \times 10\%/năm \times (3 \text{ năm}, 6 \text{ tháng } 13 \text{ ngày}) = 53.034.000\text{đ}$  (đã làm tròn)

**[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; cụ thể:

$(150.000.000\text{đ} + 53.034.000\text{đ}) = 203.034.000\text{đ} \times 5\% = 10.151.000\text{đ}$  (đã làm tròn)

- Bà Hồ Thị L phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận; cụ thể:

$(84.000.000\text{đ} - 53.034.000\text{đ}) = 30.966.000\text{đ} \times 5\% = 1.548.000\text{đ}$  (đã làm tròn)

**Vì các lẽ trên;**

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 144; Điều 14, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.*

*- Áp dụng Điều 280; Điều 463; khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

*- Áp dụng khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:**

Chấp đơn một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị L.

Buộc ông Hồ Văn Nh và bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị L số tiền gốc 150.000.000đ và tiền lãi 53.034.000đ

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

**\* Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị D phải chịu số tiền 10.151.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Hồ Thị L phải chịu số tiền 1.548.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 5.850.000đ đã nộp tạm ứng án phí số AA/2021/0013951 ngày 10/01/2023 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Mgar. Bà Hồ Thị L được nhận lại số tiền 4.302.000đ.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Đặng Ngọc Thắng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**